VNU Journal of Science: Economics and Business, Vol. 36, No. 3 (2020) 75-84

VNU Journal of Science: Economics and Business

Journal homepage: https://js.vnu.edu.vn/EAB

Original Article

Factors Affecting the Implementation of the Third Mission and Challenges for Vietnamese Universities in the Transitioning Period

Dinh Van Toan*

VNU University of Economics and Business, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 09 July 2020
Revised 16 September 2020; Accepted 16 September 2020

Abstract: The article clarifies theoretical formal and informal institutional factors that affect the implementation of the third mission and the transition into the "entrepreneurial university" model of Vietnamese universities. Through in-depth interviews with university and faculty level leaders from 10 universities accredited in 2014 to 2019, the article indicates challenges faced by those universities in the transitioning period including: i) institution; ii) mechanism and resources for research and technology transformation; and iii) university organization, management/administration/governance.

Keywords: The third mission, university transition, entrepreneurial university.

* Corresponding author.
E-mail address: dinhvantoan@vnu.edu.vn

https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4355

Các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện sứ mệnh thứ ba và thách thức đối với các trường đại học Việt Nam trong giai đoạn chuyển đổi

Đinh Văn Toàn*

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 09 tháng 7 năm 2020
Chỉnh sửa ngày 16 tháng 9 năm 2020; Chấp nhận đăng ngày 16 tháng 9 năm 2020

Tóm tắt: Bài viết tập trung làm rõ các nhân tố thể chế chính thức và phi chính thức ảnh hưởng đến việc thực hiện sứ mệnh thứ ba và chuyển đổi sang mô hình "đại học khởi nghiệp" của các trường đại học tại Việt Nam. Trên cơ sở kết quả phỏng vấn sâu các lãnh đạo cấp trường và cấp khoa thuộc 10 trường đại học được kiểm định chất lượng giáo dục giai đoạn 2014-2019, bài viết chỉ ra những thách thức đối với các trường đại học trong giai đoạn chuyển đổi bao gồm ba nhóm chủ yếu: i) thể chế; ii) cơ cấu và nguồn lực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; và iii) tổ chức, quản trị đại học.

Từ khóa: Sứ mệnh thứ ba, chuyển đổi đại học, đại học khởi nghiệp.

1. Giới thiệu

Lịch sử phát triển kinh tế - xã hội cho thấy vai trò của các trường đại học ngày càng trở nên quan trọng bởi đó không chỉ là các trung tâm giáo dục bậc cao và nghiên cứu khoa học, mà còn là nơi thực hiện nhiệm vụ chuyển giao, thương mại hóa tri thức - tức là "sứ mệnh thứ ba" của trường đại học. Các hoạt động thực hiện sứ mệnh này còn được coi là khởi nghiệp học thuật. Thông qua đó, các trường đại học tham gia thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội [1, 2]. Các hoạt động mang tính khởi nghiệp không chỉ là các nỗ lực chuyển giao công nghệ như các biện pháp bảo vệ sở hữu trí tuệ phù hợp, nhượng quyền sáng chế và chuyển giao để thương mại hóa các kết quả nghiên cứu ra bên ngoài, mà còn là sự kết nối các bên (chính phủ, các ngành công nghiệp), hình thành các trung tâm nghiên cứu, chuyển giao và gần đây là phát triển doanh nghiệp trong và ngoài nhà trường [3-6]. Đây cũng chính là các hoạt động tiêu biểu và đặc trưng nhất của các trường đại học khi chuyển đổi sang mô hình đại học khởi nghiệp [7].

Gắn liền với các hoạt động để thực hiện sứ mệnh trên, đã có sự chuyển đổi mạnh mẽ từ "đại học truyền thống" sang "đại học khởi nghiệp" trong hơn 20 năm qua trên thế giới. Có nhiều nhân tố tác động đến các hoạt động thực hiện sứ mệnh và sự chuyển đổi này. Trên cơ sở khung lý thuyết tổng quan về các nhân tố và kết quả phỏng vấn các nhà lãnh đạo, quản lý tại 10 trường đại học, bài viết phân tích các nhân tố mang tính thể chế (chính thức lẫn phi chính thức) có tác động đáng kể đến thực hiện sứ mệnh thứ ba, đồng thời chỉ ra những thách thức đối với các trường đại học trong thời kỳ chuyển đổi.

2. Thực hiện sứ mệnh thứ ba và chuyển đổi sang đại học khởi nghiệp

Sứ mệnh thứ ba (third mission) của các trường đại học đã được bàn luận rất nhiều trong các nghiên cứu về khởi nghiệp trong giáo dục đại học. Shore và McLauchlan (2012) cho rằng đó là sự kết nối từ nghiên cứu tới thương mại hóa kết quả nghiên cứu với các ngành công nghiệp [8]. Về bản chất, đây là chuỗi các hoạt

* Tác giả liên hệ.
Địa chỉ email: dinhvantoan@vnu.edu.vn

https://doi.org/10.25073/2588-1108/vnueab.4355

động từ nghiên cứu và sáng tạo, cấp bằng sáng chế và bản quyền, sản xuất thử nghiệm, giấy phép chuyển giao công nghệ, ươm tạo sản phẩm và doanh nghiệp trong trường đại học cho đến việc tổ chức kinh doanh, thương mại hóa ra bên ngoài trường đại học. Nó còn được gọi là "dòng chảy thứ ba" ở châu Âu hay "tiếp cận cộng đồng" ở các nước nói tiếng Anh [9]. Theo đó, các trường đại học tiến hành các hoạt động liên quan đến các tác nhân bên ngoài nhà trường bao gồm các hình thức chuyển giao tri thức khác nhau, bao gồm cả việc cung cấp các dịch vụ "học tập suốt đời" và các sáng kiến với sự tham gia của cộng đồng [10].

Bảng 1. Các hoạt động thực hiện sứ mệnh thứ ba và chuyển đổi mô hình trường đại học khởi nghiệp

I. Tăng cường liên kết các bên, nghiên cứu và phát triển theo định hướng ứng dụng, chuyển giao công nghệ
Xây dựng trường đại học theo hướng trở thành trung tâm nghiên cứu dựa trên các ngành công nghiệp; hình thành các trung tâm xuất sắc, cụm nghiên cứu, phòng thí nghiệm trọng điểm.
Xúc tiến các dự án hợp tác và hợp đồng nghiên cứu có cam kết với doanh nghiệp về ứng dụng, chuyển giao liên quan đến bản quyền và phát minh, sáng chế.
Tăng số lượng các nghiên cứu ứng dụng theo đặt hàng riêng của doanh nghiệp, bên cạnh các nghiên cứu từ ngân sách công.
Xây dựng chiến lược chuyển giao tri thức, trong đó có phương thức thương mại hóa phù hợp: nhượng quyền sở hữu trí tuệ; góp vốn và công nghệ với các công ty spin-out,…
Tăng chi phí cho các nghiên cứu hướng đến có bằng sáng chế gần với các lĩnh vực và công nghệ phù hợp với xu thế thị trường.
Đẩy nhanh thời gian nghiên cứu và có các biện pháp giảm thiểu rủi ro trong thương mại hóa từ nhà trường.
II. Hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thúc đẩy chuyển giao, thương mại hóa
Các hoạt động đào tạo và chính sách khuyến khích tinh thần khởi nghiệp kinh doanh cho giảng viên, nghiên cứu viên và người học.
Khuyến khích hoạt động khởi nghiệp; khuyến khích giảng viên, nghiên cứu viên tham gia các hoạt động kinh doanh và hợp tác với doanh nghiệp.
Hình thành văn hóa khởi nghiệp và hoàn thiện hệ sinh thái, cơ sở hạ tầng phù hợp cho đại học khởi nghiệp.
Thành lập các văn phòng cấp phép, chuyển giao công nghệ (TTO), vườn ươm công nghệ, trung tâm công nghệ và hỗ trợ khởi nghiệp kinh doanh.
Hỗ trợ và đổi mới hoạt động của các TTO theo hướng linh hoạt và hiệu quả, phù hợp với chiến lược chuyển giao tri thức.
III. Phát triển doanh nghiệp
Cải thiện cơ chế quản trị, điều hành theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm; thúc đẩy tự do học thuật với cơ chế quản lý giảng viên, nghiên cứu viên phù hợp.
Thay đổi cơ chế cấp phép và nhượng quyền theo hướng cởi mở, hình thành doanh nghiệp thương mại hóa kết quả nghiên cứu.
Nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ chuyển giao công nghệ từ các nhà khoa học để hình thành các doanh nghiệp spin-off hoặc doanh nghiệp ngoài nhà trường.
Thành lập các vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp bên trong nhà trường; nâng cao năng lực và hỗ trợ cho các TTO hoạt động hiệu quả.
Có các chính sách cơ chế hình thành doanh nghiệp trong nhà trường hoặc liên kết (spin-off, spin-out, startup) trên cơ sở kết quả nghiên cứu của các cá nhân.

Nguồn: Tác giả tổng hợp.

Các hoạt động này gắn liền với vai trò của mô hình hợp tác ba bên: đại học - chính phủ - các ngành công nghiệp (Triple helix), hướng đến mục tiêu chung là phát triển kinh tế - xã hội [11]. Khai thác tri thức không chỉ dừng lại ở chuyển giao tri thức để phục vụ cộng đồng, mà là tổng thể các hoạt động nhằm đạt kết quả và hiệu quả cao nhất trong thương mại hóa kết quả nghiên cứu [7]. Do vậy, tổ chức bộ máy trường đại học cần đa dạng theo hướng nâng cao năng lực nghiên cứu ứng dụng thông qua các bộ phận: trung tâm xuất sắc, cụm phòng nghiên cứu, thí nghiệm; các đơn vị đầu mối như vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm hỗ trợ doanh nghiệp, trung tâm công nghệ và kinh doanh, vườn ươm công nghệ và trung tâm sáng tạo,… [12].

Theo từng giai đoạn chuyển đổi sẽ có các hoạt động thực hiện sứ mệnh thứ ba tương ứng (Bảng 1) [13-18]. Đây chính là kết quả từ các tác động mạnh mẽ của tư duy doanh nghiệp và tinh thần khởi nghiệp đối với quản lý và điều hành trường đại học [19, 20].

Etzkowitz (2002) cũng sử dụng thuật ngữ khởi nghiệp trong đại học (university entrepreneurship) để mô tả sự chuyển đổi quản trị cùng với các hoạt động khởi nghiệp trong trường đại học thuộc Viện Công nghệ Massachusetts (MIT), có được từ kết quả của sự hợp tác và liên kết hiệu quả với các ngành công nghiệp, tư nhân và các cơ quan chính phủ [21]. Trước đó, Clark (1998) đã sử dụng khái niệm này khi đề cập đến việc 5 trường đại học nghiên cứu ở châu Âu tìm kiếm sự đổi mới về mô hình quản lý đổi để giảm sự phụ thuộc vào sự hỗ trợ và giám sát của chính phủ [22]. Như vậy, có thể thấy rõ xu hướng chuyển đổi mạnh mẽ của các trường đại học trong hơn hai thập kỷ qua là sự chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình đại học khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo nhằm thực hiện được sứ mệnh thứ ba.

3. Các nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện sứ mệnh thứ ba trong trường đại học

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến thực hiện sứ mệnh thứ ba trong trường đại học, nhưng các nhân tố thể chế luôn có tác động quan trọng nhất, có thể định hướng, kìm hãm hoặc chi phối sự tương tác của các chủ thể, cá nhân trong nhà trường. Theo Yadolahi và cộng sự (2014), các nhân tố này được chia thành nhân tố chính thức và không chính thức [23] (chi tiết xem Bảng 2).

Bảng 2. Các nhân tố thể chế ảnh hưởng đến hoạt động khởi nghiệp và thực hiện sứ mệnh thứ ba tại các trường đại học

Nhân tố chính thức	Nhân tố phi chính thức
Các chính sách và quy định của chính phủ	Thủ tục thi hành luật pháp
Cơ cấu thị trường bên ngoài	Chất lượng của hệ thống giáo dục
Các luật định về tài sản trí tuệ	Hệ thống khen thưởng, ghi nhận
Các nguyên tắc và cơ cấu quản trị của nhà trường	Các khía cạnh chính trị cần xem xét
Các cơ cấu khởi nghiệp học thuật	Văn hóa khởi nghiệp
Quan hệ giữa trường đại học với các ngành công nghiệp	Thái độ của giới học thuật đối với khởi nghiệp
Cơ cấu nghiên cứu khoa học của nhà trường	
Các chương trình giáo dục về khởi nghiệp	

Nguồn: Yadolahi và cộng sự (2014) [23].

4. Kết quả nghiên cứu tại một số trường đại học Việt Nam

Nghiên cứu tiến hành khảo sát độc lập tại 10 trường đại học đã kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo (giai đoạn 2014-2019) thông qua phỏng vấn bán cấu trúc với các câu hỏi mở đối với 15 đại diện lãnh đạo (10 lãnh đạo cấp trường và 5 lãnh đạo cấp khoa) trong năm 2019 dựa trên mô hình các nhân tố thể chế [23]. Các trường đại học được khảo sát gồm: 5 trường đại học công lập là Mỏ - Địa chất, Thủy lợi, Thương mại, Lâm nghiệp, Ngoại thương; 5 trường đại học tư thục: Phan Thiết, Tây Đô, Nam Cần Thơ, Thành Đô và Hòa Bình.

Kết quả phỏng vấn cho thấy: các nhân tố có ảnh hưởng ở các mức độ khác nhau. Trong nhóm nhân tố chính thức, các nhân tố cơ cấu thị trường bên ngoài, luật định về tài sản trí tuệ, cơ cấu khởi nghiệp học thuật và các chương trình giáo dục về khởi nghiệp không có ảnh hưởng đáng kể đối với các hoạt động khởi nghiệp trong nhà trường; các nhân tố còn lại có tác động đáng kể nhất tới khởi nghiệp và các hoạt động thực hiện sứ mệnh thứ ba của nhà trường sẽ được phân tích sâu gồm: các chính sách và quy định của chính phủ; nguyên tắc, cơ cấu và quản trị của nhà trường; quan hệ giữa trường đại học với các ngành công nghiệp; cơ cấu nghiên cứu khoa học của trường. Tương tự, với nhóm nhân tố phi chính thức, có bốn nhân tố có ảnh hưởng rõ ràng hơn được lựa chọn phân tích sâu gồm: chất lượng của hệ thống giáo dục; hệ thống khen thưởng, ghi nhận; văn hóa khởi nghiệp; thái độ của giới học thuật đối với khởi nghiệp.

Đối với cả hai nhóm nhân tố nêu trên, khi người trả lời phỏng vấn lựa chọn mỗi nhân tố thì sẽ tiếp tục được phỏng vấn sâu, làm rõ sự tác động đến việc thực thi sứ mệnh của các trường đại học. Từ kết quả phỏng vấn và phân tích các nhận định, khuyến nghị từ kết quả kiểm định chất lượng giáo dục công bố trên trang web http://cea.vnu.edu.vn/vicủa Trung tâm Kiểm định Chất lượng Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội đối với từng trường đại học, có thể thấy:

4.1. Về nhóm nhân tố chính thức

4.1.1. Chính sách và quy định của Chính phủ: Nhân tố này có ý nghĩa quyết định đến hoạt động khởi nghiệp của các trường do có ảnh hưởng trực tiếp đến quan điểm chỉ đạo, chiến lược và triển khai ở các cấp đến từng viên chức, giảng viên. Điều này phản ánh nếp làm việc theo thứ bậc, hành chính, đặc biệt ở các trường đại học công lập do các trường phụ thuộc chặt chẽ các Bộ, cơ quan chủ quản về nhân sự, các nguồn lực và cơ cấu tổ chức [7]. Thực tế cho thấy việc đổi mới tổ chức hay thành lập một đơn vị trong các trường này cần có phê duyệt của cơ quan chủ quản và cần rất nhiều thủ tục phức tạp, tốn nhiều thời gian.

Việc phải tuân thủ các quy định của Chính phủ và các Bộ ở nhiều lĩnh vực hoạt động quan trọng (nghiên cứu khoa học, nhân sự, tiền lương, tài chính, tài sản,…) tạo thói quen luôn coi trọng đảm bảo các nguyên tắc quản lý hơn là cải tiến và đổi mới sáng tạo. Bên cạnh đó, chính sách và các quy định chưa có sự đồng bộ, chưa tạo ra hệ sinh thái khởi nghiệp trong các trường đại học. Quy định viên chức không được tham gia quản lý doanh nghiệp, tìm kiếm lợi nhuận cho cá nhân và đơn vị là rào cản nặng nề trong bối cảnh các trường đại học công lập đang được khuyến khích thúc đẩy các hoạt động này. Đối với các trường tư thục, về mặt lý thuyết sẽ có ít rào cản hơn so với các trường công lập vì không có sự can thiệp của cơ quan chủ quản. Tuy nhiên, theo lãnh đạo các trường này thì vẫn còn nhiều "nút thắt" về quản trị cần giải quyết như: mô hình tổ chức; cơ chế phối hợp giữa hội đồng trường, hội đồng quản trị và nhà đầu tư, đặc biệt các trường cần cơ chế để hiện thức hóa các chính sách cởi mở về thu - chi tài chính, ưu đãi sử dụng đất và các ưu đãi về nghiên cứu, triển khai trong thực tiễn.

4.1.2. Các nguyên tắc và cơ cấu quản trị nhà trường: Với cơ cấu quản trị ba cấp (trường, khoa, bộ môn), các trường cơ bản theo nếp quản lý hành chính từ trên xuống và có tính tuân thủ cao. Các giảng viên, nghiên cứu viên luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định, quy trình về quản lý và chế độ đối với giảng viên theo Điều lệ Trường đại học do Thủ tướng quy định.

Chính sách và phương hướng hoạt động của các trường chưa quan tâm đến chuyển giao hay hoạt động mang tính khởi nghiệp. Thay vào đó, kết quả chủ yếu được ghi nhận, đánh giá ở các công bố (bài báo) và đề tài nghiên cứu các cấp (kể cả các trường đại học có truyền thống và năng lực nghiên cứu khoa học tốt như Mỏ - Địa chất, Thủy lợi và Lâm nghiệp).

Cơ cấu quản trị chưa đáp ứng cơ chế "tự chủ" nên việc vận dụng các chính sách để thúc đẩy khởi nghiệp trong các trường còn gặp nhiều khó khăn. Ở hai trường thực hiện đề án tự chủ là Trường Đại học Thương mại và Trường Đại học Ngoại thương, các quyết định quan trọng về chính sách nhân lực và định mức thu, chi vẫn phụ thuộc vào sự cho phép của Bộ chủ quản và Bộ quản lý ngành. Theo lãnh đạo cấp khoa ở hai trường này, trong nhiều trường hợp, chủ nhiệm đề tài nghiên cứu khoa học sẵn sàng chia sẻ "không chính thức" kết quả nghiên cứu cho các doanh nghiệp "sân sau" để sản xuất thử và bán ra thị trường mà không đòi hỏi về quyền tác giả và không muốn làm các thủ tục đăng ký bản quyền. Tại các trường đại học tư thục chưa có các chính sách khuyến khích nghiên cứu khoa học và chuyển giao để thương mại hóa, đầu tư cho nghiên cứu khoa học chưa đạt mức tối thiểu (5% nguồn thu để phát triển tiềm lực nghiên cứu khoa học) theo quy định của Chính phủ (Nghị định số 99/2014/NĐ-CP).

4.1.3. Quan hệ giữa trường đại học với các ngành công nghiệp và doanh nghiệp: Các trường công lập được khảo sát có truyền thống đào tạo và có năng lực nghiên cứu khoa học tốt, tuy nhiên các đề tài, dự án nghiên cứu vẫn chủ yếu từ đặt hàng hoặc trúng thầu từ nguồn vốn ngân sách, trong khi doanh thu từ hợp tác với doanh nghiệp và khu vực tư nhân không đáng kể. Hợp tác triển khai các hợp đồng tư vấn, chuyển giao được ghi nhận tốt hơn ở ba trường (Mỏ - Địa chất, Thủy lợi và Lâm nghiệp), nhưng chủ yếu từ các cơ quan nhà nước và giá trị chiếm tỷ trọng thấp so với tổng kinh phí nghiên cứu khoa học. Năm trường đại học tư thục được khảo sát chưa có các giải pháp cụ thể tiếp cận thị trường và chưa xây dựng được các liên kết, hợp tác với các doanh nghiệp trong nghiên cứu, chuyển giao.

4.1.4. Cơ cấu nghiên cứu khoa học. Hoạt động nghiên cứu khoa học tại các trường tư thục không đáng kể. Đối với các trường công lập, hai loại cơ cấu chủ yếu được thảo luận sâu là: lĩnh vực nghiên cứu và nguồn kinh phí. Về lĩnh vực nghiên cứu, các trường được đầu tư theo hướng đơn ngành theo chiến lược của các Bộ chủ quản để phát huy thế mạnh của một số ngành truyền thống, hầu như không có các đề tài và sản phẩm mang tính liên ngành. Cơ cấu nguồn kinh phí, gắn liền với cách thức thực hiện và các thủ tục tài trợ, có ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. Việc nhận kinh phí từ ngân sách nhà nước làm hạn chế sự năng động của các bên trong quá trình tìm kiếm cơ hội chuyển giao thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

4.2. Về nhóm nhân tố phi chính thức

4.2.1. Chất lượng giáo dục: Nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cũng như kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động này ở các trường đại học đều có mức rất thấp so với yêu cầu tại Nghị định số 99/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Điều này phù hợp với một nghiên cứu gần đây, khi chỉ ra số lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ có thể chuyển giao và có tính thương mại hóa trong các trường đại học chưa nhiều [24]. Lãnh đạo các trường đại học được khảo sát đều cho rằng chưa có cơ chế để các nhà khoa học, chủ nhiệm đề tài liên hệ với các doanh nghiệp triển khai thương mại hóa ngay trong quá trình nghiên cứu, đồng thời các sản phẩm nghiên cứu khoa học (phát minh, sáng chế, giải pháp và công nghệ mới) chưa bắt kịp yêu cầu thực tiễn.

4.2.2. Vai trò của hệ thống khen thưởng, ghi nhận: Các trường đều có chính sách và cơ chế khuyến khích giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học như: thưởng tiền; xem xét ghi nhận thành tích khi đánh giá, xếp loại và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Tuy nhiên, các tiêu chí mới chỉ tập trung vào công bố quốc tế ở các tạp chí uy tín (ISI, SCI, SCIE và SCOPUS,…)

hoặc cấp độ và số lượng đề tài tham gia mà chưa có các chính sách ghi nhận các nghiên cứu có chuyển giao, thương mại hóa mang lại lợi nhuận cho cá nhân và tổ chức. Trong khi đó, việc cho phép chuyển đổi khối lượng giảng dạy và hoạt động khác thay thế cho nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo định mức để bình xét cuối năm làm giảm động lực nghiên cứu và sự sáng tạo ngoài hoạt động giảng dạy của các giảng viên.

4.2.3. Văn hóa khởi nghiệp: Các nhân sự lãnh đạo đều cho rằng các giảng viên chưa quan tâm đến hoạt động khởi nghiệp. Các giảng viên lâu năm, có vị trí, uy tín cao trong học thuật không coi hoạt động khởi nghiệp là cấp thiết. Trong khi đó, các giảng viên trẻ đang cần củng cố vị trí học thuật, thành tích nghiên cứu khoa học và vị trí viên chức ổn định (đối với trường công lập) lại chưa muốn đầu tư công sức, thời gian cho hoạt động khởi nghiệp vốn tiềm ẩn rủi ro.

4.2.4. Thái độ của giới học thuật đối với khởi nghiệp: Tuyên bố sứ mệnh và mục tiêu giáo dục của các trường đại học được khảo sát đều tập trung chủ yếu vào các mục tiêu đào tạo nhân lực và nghiên cứu khoa học phục vụ ngành. Các lãnh đạo trường và khoa đều cho rằng họ đã có sự nhận thức cần phải tăng và đa dạng hóa nguồn thu, trong đó có hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh trong nhà trường. Tuy vậy, họ thừa nhận hầu như không có khởi xướng dự án hay hoạt động khởi nghiệp từ chính các cấp lãnh đạo cũng như từ các giảng viên, nhân viên trong nhà trường, hầu hết các cá nhân và đơn vị trong nhà trường chưa thể hiện thái độ tích cực đối với khởi nghiệp. Điều này được giải thích bởi ảnh hưởng trực tiếp của quan niệm cho rằng sứ mệnh "dạy học" của các giảng viên và trường đại học vẫn còn lấn át các ý tưởng sáng tạo và tinh thần khai phóng. Hơn nữa, công việc giảng dạy, nghiên cứu có tính kế hoạch cao cùng môi trường học thuật ít thay đổi đã tạo nên thói quen mong muốn ổn định, ngại khởi động công việc mới. Thêm vào đó là sự hạn chế về thời gian, nguồn lực để các giảng viên, nghiên cứu viên chia sẻ cơ hội thành lập doanh nghiệp hoặc tham gia hoạt động mang tính kinh doanh.

5. Những thách thức đặt ra đối với các trường đại học Việt Nam

Những thách thức được thể hiện ở ba nhóm chủ yếu sau:

i) Thể chế chưa đồng bộ, chưa thúc đẩy và nuôi dưỡng các hoạt động hướng tới đại học khởi nghiệp

Quá trình chuyển đổi để hình thành các trường đại học khởi nghiệp với các nhóm hoạt động đặc trưng cần tới các điều kiện bên ngoài - môi trường sinh thái thúc đẩy đổi mới sáng tạo [25]. Tuy nhiên, hệ thống luật pháp và các quy định chưa mang tính đồng bộ, trong khi kinh nghiệm từ các quốc gia cho thấy để hình thành các doanh nghiệp thì ý tưởng và các phát minh học thuật trong các trường đại học mới chỉ là "điều kiện cần", quan trọng hơn là các hỗ trợ về mặt pháp lý và nguồn lực để nuôi dưỡng các sản phẩm thử nghiệm thành công ngoài thị trường, chẳng hạn như cơ chế định giá để sử dụng cơ sở hạ tầng, đất đai, tài sản công hoặc thương hiệu để góp vốn. Đó là những rào cản lớn nhất đối với các trường đại học, bởi thực tế chưa có các hướng dẫn rõ ràng từ Bộ quản lý ngành và Bộ Tài chính.

Kết quả phỏng vấn các lãnh đạo cấp khoa cũng cho thấy "chưa có sự ghi nhận và đánh giá cao từ tổ chức và đồng nghiệp đối với họ khi tích cực tham gia các hoạt động hợp tác với doanh nghiệp hay cá nhân ngoài trường" trong các hoạt động thương mại hóa và tìm kiếm lợi nhuận. Kết quả này cũng không phải là ngoại lệ so với nhiều quốc gia, khi mà sự ghi nhận và quy trình đánh giá đối với giảng viên, nghiên cứu viên (hay còn gọi "đánh giá học thuật") không khuyến khích tinh thần kinh doanh [9]. Điều này có thể được giải thích bởi sản phẩm mà các hoạt động này tạo ra (kinh doanh hoặc thành lập doanh nghiệp mới) thường khó xác định được thời gian thực hiện, có tính rủi ro cao, không mang lại lợi ích, thành tích xếp hạng và uy tín học thuật cho các tổ chức.

ii) Nguồn lực và cơ cấu nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ còn nhiều hạn chế, bất cập

Kết quả nghiên cứu cho thấy nguồn lực và tiềm năng về nghiên cứu và phát triển tại 5 trường tư thục được khảo sát còn rất hạn chế. Đối với các trường công lập, chính sách và cơ chế điều hành trong các công ty, trung tâm, viện trực thuộc các trường đã có sự chủ động hơn trong huy động vốn và nhân lực. Đây được coi là nguồn lực mềm. Nhưng nhìn tổng thể, các trường chưa có chính sách và cơ chế mạnh mẽ để thu hút sự tham gia vào quá trình nghiên cứu cũng như đầu tư cho mục đích thương mại hóa phục vụ sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, việc tạo dựng môi trường cho phát triển các startup chưa được quan tâm tương xứng với tiềm năng. Về nguồn lực cứng (cơ sở vật chất kỹ thuật), một số trường đáp ứng cho nghiên cứu chuyên ngành (Thủy lợi, Mỏ - Địa chất, Lâm nghiệp) nhưng chưa đáp ứng tốt nhu cầu mang tính liên ngành, linh hoạt và đa dạng để chuyển giao theo nhu cầu thị trường.

Về cơ cấu, sự bất cập về cơ cấu nghiên cứu đơn ngành là chủ yếu và nguồn ngân sách chiếm tỷ trọng lớn dẫn đến tỷ lệ thu từ chuyển giao công nghệ, đặc biệt là giá trị mang lại từ các sản phẩm được thương mại hóa thành công rất thấp (bình quân ở mức dưới 3% tổng doanh thu từ nghiên cứu khoa học cho giai đoạn 5 năm). Những người được hỏi đều cho rằng nếu thực hiện các hợp đồng theo đặt hàng của doanh nghiệp hay cá nhân đầu tư thì khả năng ứng dụng và chuyển giao sẽ lớn. Bên cạnh mục tiêu định hướng thương mại rõ ràng, việc gắn trách nhiệm và quyền lợi của chủ nhiệm đề tài và các giảng viên tham gia nghiên cứu với uy tín của khoa, viện trong cam kết với các bên sẽ tạo động lực mạnh mẽ cho thành công. Nếu tỷ trọng nghiên cứu theo đặt hàng hoặc hợp tác ngoài khu vực nhà nước càng lớn thì việc thúc đẩy hoạt động chuyển giao, thương mại hóa ra thị trường càng lớn. Tuy nhiên, khảo sát các trường đại học cho thấy tỷ trọng này rất thấp.

Về phương thức chuyển giao công nghệ, trong số 15 người được phỏng vấn, 9 người cho rằng trong thực tế các hợp tác không chính thức hoặc sự kết hợp với các cá nhân, doanh nghiệp "sân sau" có kết quả chuyển giao và thương mại hóa đáng kể. Nghiên cứu thực nghiệm tại Mỹ và các nước Mỹ - Latin cũng chỉ ra: các nghiên cứu hoặc chuyển giao phi chính thức có sự tương đồng và phù hợp với nhu cầu của các ngành công nghiệp và thị trường tốt hơn so với các hợp tác mang tính chính thức như thành lập công ty, bằng phát minh sáng chế… [13]. Đó là bởi sự hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau luôn là điều kiện quyết định cho thành công của các hợp tác giữa các bên, mà điều này lại dễ đạt được ở các hợp tác và liên kết phi chính thức giữa các nhà khoa học, trường đại học và giới kinh doanh [26].

iii) Chậm đổi mới trong tổ chức và quản trị đại học

Nhiều kết quả nghiên cứu từ các phòng thí nghiệm, các trung tâm và viện nghiên cứu được đánh giá cao, nhưng các trường thiếu các hoạt động hỗ trợ, ươm tạo, xúc tiến để chuyển giao thương mại hóa. Trong giai đoạn 5 năm vừa qua, các Bộ chủ quản hạn chế việc thành lập các đơn vị mới nếu không tự chủ về tài chính. Đây là thách thức đối với các trường công lập vì hoạt động của các đơn vị thường chưa mang lại lợi nhuận trong giai đoạn hình thành.

Bên cạnh đó, các trường đại học còn hạn chế về mặt quản trị: trường công lập chưa được trao quyền tự chủ mọi mặt, đặc biệt là tài chính, tổ chức nhân sự; các trường tư thục chưa tiếp cận nhiều với các thực hành tốt, các nguyên tắc tiên tiến về quản trị đại học. Nhìn chung, các trường chưa có sự chuyển biến rõ nét trong thể chế quản trị theo hướng tiên tiến với mục tiêu đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan cũng như thúc đẩy khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Ưu tiên hàng đầu của các trường vẫn là đáp ứng các yêu cầu mang tính chỉ tiêu kế hoạch của cơ quan chủ quản và Bộ Giáo dục và Đào tạo, chưa phát huy vai trò của khoa, bộ môn và các nhà khoa học [7].

6. Kết luận

Sứ mệnh thứ ba của các trường đại học có ý nghĩa đặc biệt quan trọng cả về mặt lý luận và thực tiễn. Xu hướng phát triển kinh tế - xã hội

trên thế giới cũng chỉ ra vai trò của hoạt động này và sự chuyển dịch các trường đại học theo hướng đại học khởi nghiệp, trong đó các nhân tố về thể chế đảm bảo việc thực hiện tốt sứ mệnh này. Kết quả nghiên cứu trên đã làm rõ hơn về sự tác động của các nhân tố này trong thực tiễn cũng như những thách thức đặt ra đối với các trường đại học trong quá trình chuyển đổi. Để chuyển đổi từ mô hình đại học truyền thống sang đại học khởi nghiệp, bên cạnh các yếu tố mang tính nội tại thì cần có sự đồng bộ về thể chế để tháo gỡ và loại bỏ những rào cản về quản lý để các trường có thể tăng cường năng lực tự chủ, tính giải trình và tự chịu trách nhiệm, từ đó thúc đẩy thực hiện sứ mệnh thứ ba, góp phần tích cực hơn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phù hợp với xu hướng phát triển dựa trên tri thức và ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Tài liệu tham khảo

[1] H. Etzkowitz, "The norms of entrepreneurial science: Cognitive effects of the new university-industry linkages", Research Policy 27(8) (1998) 823-833.

[2] H. Etzkowitz, L. Leydesdorff, "The Dynamics of Innovation: From National Systems and "Mode 2" to a Triple Helix of University - Industry - Government Relations", Research Policy 29(2) (2000) 109-123.

[3] M.C. Guerrero, D. Kirby, D. Urbano, "A literature review on entrepreneurial universities: An institutional approach", Working paper presented at 3rd Conferrence of Pre-communications to Congresses, Autonomous University of Bacelona, 2006.

[4] M. Yusof, K.K. Jain, "Categories of university-level entrepreneurship: A literature survey", The International Entrepreneurship and Management Journal 6 (2010) 81-96.

[5] M. Guerrero, D. Urbano, "The development of an entrepreneurial university", The Journal of Technology Transfer 37 (2012) 43-74.

[6] F.T. Rothaermel, S.D. Agung, L. Jiang, "University entrepreneurship: a taxonomy of the literature", Industrial and Corporate Change 16(4) (2007) 691-791.

[7] D.V. Toan, "Entrepreneurial Universities and the Development Model for Public Universities in Vietnam", International Journal of Entrepreneurship 24(1) (2020) 1-16.

[8] C. Shore, L. McLauchlan, "Third mission" activities, commercialisation and academic entrepreneurs", Social Anthropology/Anthropologie Sociale 20(3) (2012) 267-286.

[9] S. Boffo, A. Cocorullo, "University Fourth Mission: Spin-offs and Academic Entrenreneurship: Connecting Public Policies with new missions and management issues of universities", Higher Education Forum 16 (2019) 125-142.

[10] D.V. Toan, "Development of Enterprises in Universities: From International Experience to Practices in Vietnam (Monograph)", Vietnam National University Press, Hanoi, 2019.

[11] L.K. Sooreh, A. Salamzadeh, H. Safarzadeh, Y. Salamzadeh, "Defining and Measuring Entrepreneurial Universities: A Study in Iranian Context Using Importance-Performance Analysis and TOPSIS Technique", Global Business and Management Research: An International Journal, 3(2) (2011) 182-199.

[12] D.A. Isabelle, "Capitalization of science and technology knowledge: Practices, trends and impacts on techno-entrepreneurship", in: Handbook of Research on Techno-entrepreneurship, 2nd Ed., Edward Elgar Publishing, 2014.

[13] K. Thorn, M. Soo, "Latin American universities and the third mission: trends, challenges, and policy options", Policy, Research Working Paper, no. WPS 4002, Washington, DC, World Bank, 2006.

[14] D.V. Toan, "University - Enterprise Cooperation in International Context and Implications for Vietnam", Vietnam Economic Review 7 (2017) 275.

[15] D.V. Toan, H.V. Hai, N.P. Mai, "The Role of Entrepreneurship Development in Universities to Promote Knowledge Sharing: The Case of Vietnam National University Hanoi", International Conference "Asia Pacific Conference on Information Management 2016: Common Platform to a Sustainable Society in the Dynamic Asia Pacific, 2016, pp. 26-50.

[16] D.V. Toan, "Promoting university startups' development: International experiences and policy

recommendations for Vietnam", Vietnam's Socio-Economic Development 22(90) (2017) 19-42.

[17] D.V. Toan, "Universities' Enterprise Development: International Experience and Policy Implications for Vietnam", Journal of Economics and Forecasting, December 35 (2018) 58-60.

[18] D.V. Toan, "Development of Enterprises in Universities and Policy Implications for University Governance Reform in Vietnam", VNU Journal of Science: Economics and Business 35(1) (2019) 83-96.

[19] T.A. Tai, "Linking Universities and Businesses in Training and Research Activities - International Experience and Suggestions for Vietnam", Final Report, National University-level Scientific Research Project, 2010.

[20] J. Han, A. Heshmati, "Determinants of Financial Rewards from Industry-University Collaboration in South Korea", IZA Discussion Papers 7695, Institute of Labor Economics (IZA), 2013.

[21] H. Etzkowitz, MIT and The Rise of Entrepreneurial Science, 1st Ed., Research Policy, Routledge, London, 2002.

[22] B.R. Clark, Creating Entrepreneurial Universities: Organizational Pathways of Transformation, Elsevier Science Regional Sales, New York, 1998.

[23] F.J. Yadolahi, M. Meisam, M. Mahmoud, S. Aidin, "Institutional Factors Affecting Academic Entrepreneurship: The Case of University of Tehran", Economic Analysis 47(1-2) (2014) 139-159.

[24] D.V. Toan, "Entrepreneurialism in Vietnam's Public Universities in The Context of Transition to Autonomy", Journal of Economics and Forecasting 30 (2019) 111-116.

[25] D.V. Toan, Development of Enterprises in Universities: From International Experience to Practices in Vietnam (Monograph), Vietnam National University Press, Hanoi, 2019.

[26] J. Senker, W. Faulkner, L. Velho, "Science and technology knowledge flows between industrial and academic research: A comparative study", in H. Etzkowitz et al. (Eds.), Capitalizing Knowledge: New Intersections of Industry and Academia, Albany, NY, State University of New York Press, 1998.